

Bản án số: 02/2024/DS-ST

Ngày: 25 - 3 - 2024

V/v Kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Phú và Ông Hoàng Công Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2023/TLST-TCDS ngày 21 tháng 7 năm 2023, về việc “Kiện đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-TCDS ngày 18 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Đình T, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn N, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Hoài P, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn M, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Mai Trọng Đ, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn N, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

4. *Người làm chứng:* Anh Trần Hoàng P1; địa chỉ: thôn M, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày: ngày 28/4/2022, các anh Mai trọng Đ1, Phạm Đình H và Đoàn Hữu T1 đánh và gây thương tích cho anh Trương Hoài P. Ông Phạm Đình T là bố của anh Phạm Đình H đã mang tiền vào cho anh P ứng tiền viện phí và chi phí điều trị gồm 03 lần, cụ thể: ngày 01/5/2022, số tiền 9.000.000 đồng; ngày 06/5/2022, số tiền 15.000.000 đồng; ngày 22/5/2022, chuyển vào tài khoản Đặng Thị Kim C, vợ anh P số tiền 10.000.000 đồng; tổng cộng số tiền 34.000.000 đồng. Sau khi điều trị tại bệnh viện,

ngày 18/7/2022 giữa anh P và các anh Đ1, H và T1 thỏa thuận, theo đó những người này bồi thường số tiền 150.000.000 đồng cho anh P, bao gồm các khoản chi phí. Đại diện cho ba người giao tiền cho anh P là chị Hoàng Thị L, vợ anh Mai Trọng Đ. Sau khi nhận tiền, anh P không trả lại cho ông số tiền mà ông đã kịp thời mang cho anh P tạm ứng viện phí. Ông yêu cầu anh P hoàn trả số tiền 34.000.000 đồng.

Quá trình tố tụng, bị đơn trình bày: ngày 28/4/2022, các anh Mai Trọng Đ, Phạm Đình H và Đoàn Hữu T1 đánh và gây thương tích khiến anh phải điều trị tại Bệnh viện. Quá trình điều trị, ông T có đến bệnh viện đưa tiền cho anh hai lần, cụ thể: ngày 01/5/2022, số tiền 9.000.000 đồng; ngày 06/5/2022, số tiền 5.000.000 đồng. Việc đưa tiền có anh Trần Hoàng P1 chứng kiến. Ngày 22/5/2022, ông T có chuyển vào tài khoản của chị Đặng Thị Kim C số tiền 10.000.000 đồng và chị C đưa cho anh. Tổng số tiền anh nhận từ ông T là 24.000.000 đồng chứ không phải 34.000.000 đồng như ông T yêu cầu. Nay ông T yêu cầu khởi kiện yêu cầu trả số tiền 34.000.000 đồng anh không đồng ý với các lý do: anh chỉ nhận từ ông T số tiền 24.000.000 đồng chứ không phải 34.000.000 đồng; số tiền đó anh Mai Trọng Đ nói là nhờ ông T chuyển cho anh; số tiền 24.000.000 đồng này là tiền để anh thuốc thang ăn uống, bồi dưỡng chữa bệnh và các chi phí khác, số tiền này cùng với số tiền theo thỏa thuận 150.000.000 đồng anh mới chấp nhận rút yêu cầu khởi tố. Anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình T.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh mai Trọng Đ2 và người làm chứng anh Trần Hoàng P1: Tòa án đã triệu tập, Thông báo đến làm việc nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Tiến hành xác minh xác định các anh Đ2 và P1 vẫn sinh sống tại địa phương, nhận được các văn bản của Tòa án thông qua tổng đạt của UBND xã nhưng đều vắng mặt.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn thay đổi yêu cầu buộc bị đơn trả từ số tiền trả nợ 34.000.000 đồng xuống còn 24.000.000 đồng. Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến gì về phương án thỏa thuận giải quyết vụ án.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng:

Kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì việc xác định mối quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về sự vắng mặt người tham gia tố tụng: tại phiên Tòa hôm vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; xét thấy họ đã được

tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ nhưng vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 227, 229 Bộ luật tố tụng dân sự để quyết định xét xử vắng mặt.

+ Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 1 Điều 243, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền từ 34.000.000 đồng còn 24.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 186, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 166, 280, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 24.000.000 đồng.

+ Về án phí: áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền, nên đây là tranh chấp về dân sự, cụ thể là tranh chấp “Kiện đòi tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trương Hoài P đăng ký cư trú tại thôn M, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập, các Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt. Tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ các Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt.

- Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu trả số tiền từ 34.000.000 đồng còn 24.000.000 đồng, xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, việc thay đổi yêu cầu không vượt quá phạm vi khởi kiện, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 1 Điều 243, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu trả tiền: quá trình tố tụng, ông T trình bày đã giao cho anh P nhiều lần với tổng số tiền 34.000.000 đồng nhưng không lập văn bản, anh P cho rằng đã nhận từ ông T số tiền 24.000.000 đồng, sự việc này có anh Trần Hoàng P1 chứng kiến. Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng P1 vắng mặt, không tham gia làm

chứng trong quá trình giải quyết vụ án để chứng minh sự việc theo yêu cầu của anh P. Tuy nhiên, việc chứng minh là nghĩa vụ của ông T. Mặt khác, tại phiên tòa, ông T rút một phần yêu cầu trả tiền từ 34.000.000 đồng xuống còn 24.000.000 đồng, phù hợp với trình bày của bị đơn nên thuộc trường hợp không cần phải chứng minh. Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa, thừa nhận của bị đơn trong quá trình tố tụng, xác định bị đơn đã nhận từ nguyên đơn số tiền 24.000.000 đồng. Đối với số tiền này, theo anh P trình bày là của anh Mai Trọng Đ nhờ ông T chuyển cho anh để điều trị thuốc thang và cùng với số tiền 150.000.000 đồng thỏa thuận giao nhận giữa anh với các anh Mai Trọng Đ, Phạm Đình H và Đoàn Hữu T1 anh mới rút yêu cầu khởi tố. Theo Giấy giao nhận tiền mà đương sự cung cấp trong hồ sơ, nội dung thể hiện: chị Hoàng Thị L đại diện cho các anh Mai Trọng Đ, Phạm Đình H và Đoàn Hữu T1 bồi thường số tiền 150.000.000 đồng do hành vi cố ý gây thương tích đối với anh Trương Hoài P, anh P cam đoan đã nhận đủ số tiền trên và không khiếu nại, khiếu kiện gì về sau. Mặc dù anh P trình bày số tiền đó của anh Đ nhờ ông T chuyển cho anh, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không có mặt để chứng minh cho anh P. Mặt khác, quá trình bồi thường giữa các bên ông T không tham gia và nội dung thỏa thuận của các bên không bao gồm cả số tiền ông T đưa cho anh P. Như vậy việc phát sinh này ngoài thỏa thuận giữa các bên, chỉ liên quan giữa ông T và anh P. Ông T là bố đẻ của anh Phạm Đình H, nên khi xảy ra sự việc anh H gây thương tích cho anh P, ông T giao tiền cho anh P nhằm kịp thời đóng viện phí điều trị cũng là hợp lý. Do đó, xác định số tiền 24.000.000 đồng không liên quan đến thỏa thuận bồi thường giữa các bên nên cần buộc anh P trả lại cho ông T là phù hợp.

[2.2] Ông Phạm Đình T không yêu anh Trương Hoài P trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; các điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 70; khoản 2 Điều 71; Điều 147; Điều 186, Điều 203; Điều 235; khoản 1 Điều 243; khoản 1 Điều 244; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 264; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 166; 280; 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” và điểm b, mục 1.3 phần II, danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết 326.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Phạm Đình T về việc “Kiện đòi tài sản”. Buộc anh Trương Hoài P có nghĩa vụ thanh toán (Trả) cho ông Phạm Đình T số tiền 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Trương Hoài P chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Ông Phạm Đình T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 850.000 (*T2 trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003631 ngày 21/7/2023.

4. Quyền kháng cáo: án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/3/2024) đối với người có mặt và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tòa án niêm yết bản án theo quy định.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Anh Đức